| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 42/BC-EVNI | *Đà Nẵng, ngày 17 tháng 01 năm 2025* |

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
*(năm 2024)*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236. 633991
- Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng
- Mã chứng khoán : EIC
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

## I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông năm 2024:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 01 | 01/NQ-ĐHĐCĐ | 23/5/2024 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 |

## II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Trương Quang Minh | Chủ tịch | 23/06/2023 | |

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Ký ngày: 18/01/2025 14:40:22

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Ông Lê Vũ Ninh | Ủy viên | 23/06/2023 | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hương | Ủy viên | 23/06/2023 | |
| 4 | Ông Lê Duy Thanh | Ủy viên | 23/06/2023 | |
| 5 | Ông Nguyễn Quang Huy | Ủy viên | 23/06/2023 | |

**2. Các cuộc họp HĐQT:**

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Trương Quang Minh | 05 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Vũ Ninh | 05 | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hương | 05 | 100% | |
| 4 | Ông Lê Duy Thanh | 05 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Quang Huy | 05 | 100% | |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cụ thể như sau:

**a. Phương pháp giám sát:**

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ Ban Giám đốc hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao.

- HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

- HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.

- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

**b. Kết quả giám sát:**

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2 tại Vương quốc Campuchia: HĐQT chỉ đạo và giám sát chặt chẽ công tác theo dõi, bảo toàn vốn góp tại Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2. Trong năm 2024, Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông EVNI là 2,5 triệu USD. Giá trị cổ tức nhận được lũy kế đến 31/12/2024 là 17,458 triệu USD tương đương 409,124 tỷ đồng (đạt 177% giá trị vốn EVNI đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

- Đối với hoạt động Tư vấn giám sát:

Trong năm 2024, Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ TVGS cho 22 gói thầu với giá trị 17,3 tỷ đồng (04 gói thầu đấu thầu mới năm 2024 và 18 gói thầu chuyển tiếp các năm trước);

Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán/quyết toán 18 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và đang thực hiện dở dang) với giá trị đã nghiệm thu thanh toán là 9,97 tỷ đồng (giá trị trước thuế) đạt 98% kế hoạch năm 2024.

Công ty đã trúng thầu 07 gói thầu TVGS với tổng giá trị: 17,29 tỷ đồng (trước thuế VAT) đạt vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra.

- Kết quả kinh doanh năm 2024 với các chỉ số tài chính cơ bản như sau:

ĐVT: triệu đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | % Thực hiện/ KH |
|---|---|---|---|---|
| A | Doanh thu | 74.527 | 79.043 | 106% |
| B | Tổng chi phí | 28.832 | 28.560 | 99% |
| C | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (A)-(B) | 45.694 | 50.483 | 110% |
| D | Tỷ lệ chia cổ tức | 13% | 13% | 100% |

**c. Kết luận:**

Căn cứ vào Điều lệ, các quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban điều hành quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng,

chuyên nghiệp và liêm chính, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. TGĐ và BĐH phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ 2024 thông qua, thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty cũng như vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024:**

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | **NGHỊ QUYẾT HĐQT 2024** | | |
| 1. | 08/NQ-HĐQT | 13/3/2024 | Thông qua sủa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu áp dụng trong EVNI |
| 2. | 09/NQ-HĐQT | 13/3/2024 | Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2023 của EVNI |
| 3. | 13/NQ-HĐQT | 20/3/2023 | Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác cán bộ EVNI |
| 4. | 10/NQ-HĐQT | 13/3/2023 | Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 chậm nhất đến ngày 30/6/2024 |
| 5. | 12/NQ-HĐQT | 14/3/2023 | Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 |
| 6. | 16/NQ-HĐQT | 22/4/2023 | Thống nhất tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 23/5/2024 |
| 7. | 24/NQ-HĐQT | 06/5/2024 | Thông qua các nội dung họp HĐQT phiên I năm 2021 |
| 8. | 30/NQ-HĐQT | 24/5/2024 | Thông qua chủ trương và dự toán mua sắm xe ô tô |
| 9. | 31/NQ-HĐQT | 24/5/2024 | Thống nhất thanh toán cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 |
| 10. | 38/NQ-HĐQT | 10/6/2024 | Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm xe ô tô phụ cụ công tác của Công ty |
| 11. | 45/NQ-HĐQT | 24/6/2024 | Thông qua E HSMT gói thầu mua sắm xe ô |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | tô phục vụ công tác của Công ty |
| 12. | 52/NQ-HĐQT | 06/8/2024 | Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầy gói thầu mua sắm xe ô tô phục vụ công tác Công ty |
| 13. | 56/NQ-HĐQT | 26/9/2024 | Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 |
| 14. | 57/NQ-HĐQT | 26/9/2024 | Thông qua điều chỉnh kế hoạch năn 2024 |
| 15. | 58/NQ-HĐQT | 26/9/2024 | Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện hợp đồng giao dịch giữa EVNI và người có liên quan |
| 16. | 59/NQ-HĐQT | 26/9/2024 | Thông qua Quy chế công bố thông tin |
| 17. | 66/NQ-HĐQT | 06/11/2024 | Sửa đổi bổ sung Quy chế về công tác đấu thầu áp dụng trong EVNI |
| 18. | 70/NQ-HĐQT | 05/12/2024 | Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2025 |
| 19. | 71/NQ-HĐQT | 05/12/2024 | Sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu EVNI |
| 20. | 72/NQ-HĐQT | 05/12/2024 | Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 |
| | **NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2024** | | |
| 1 | 01/NQ-ĐHĐCĐ | 23/05/2024 | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 |
| | **QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2024** | | |
| 1. | 07/QĐ-HĐQT | 11/3/2024 | Cử cán bộ tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Nhật bản năm 2023 (bổ sung) |
| 2. | 13/QĐ-HĐQT | 26/3/2024 | Ban hành Quy chế quản lý chi tiêu áp dụng trong EVNI |
| 3. | 08/QĐ-HĐQT | 06/03/2023 | Cử cán bộ đi tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Nhật Bản năm 2023 |
| 4. | 33/QĐ-HĐQT | 27/5/2024 | Thành lập tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu – mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty |
| 5. | 34/QĐ-HĐQT | 27/5/2024 | Thành lập tổ thẩm định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu nội dung Mua sắm xe ô tô |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | phục vụ công tác Công ty |
| 6. | 35/QĐ-HĐQT | 27/5/2024 | Thành lập tổ thẩm định E – HSMT và KQLCNT gói thầu Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác Công ty |
| 7. | 37/QĐ-HĐQT | 06/6/2024 | Chi tiền thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty năm 2023 |
| 8. | 39/QĐ-HĐQT | 10/6/2024 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty |
| 9. | 40/ QĐ-HĐQT | 11/6/2024 | Thành lập Tổ thẩm định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI |
| 10. | 43/QĐ-HĐQT | 21/6/2024 | Phê duyệt dự toán chi phí Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI |
| 11. | 44/QĐ-HĐQT | 21/6/2024 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI |
| 12. | 46/QĐ-HĐQT | 24/6/2024 | Phê duyệt E HDMT gói thầu Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty |
| 13. | 53/QĐ-HĐQT | 06/8/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu "Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty" |
| 14. | 54/QĐ-HĐQT | 08/8/2024 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài |
| 15. | 60/QĐ-HĐQT | 26/9/2024 | Ban hành Quy chế công bố thông tin |
| 16. | 61/QĐ-HĐQT | 26/9/2024 | Điều chỉnh kế hoạch năm 2024 |
| 17. | 63/QĐ-HĐQT | 14/10/2024 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Trung Quốc) |
| 18. | 67/QĐ-HĐQT | 06/11/2024 | Ban hành Quy chế đấu thầu áp dụng trong EVNI |
| 19. | 68/QĐ-HĐQT | 18/10/2024 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Campuchia) |
| 20. | 69/QĐ-HĐQT | 29/11/2024 | Chi tiền thưởng Ban điều hành Công ty năm |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | | | 2024 |
| 21. | 73/QĐ-HĐQT | 05/12/2024 | Ban hành Quy chế quản lý chi tiêu tại EVNI |
| 22. | 74/QĐ-HĐQT | 05/12/2024 | Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2025 |
| 23. | 76/QĐ-HĐQT | 30/12/2024 | Khen thưởng cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 |

## III. Ban kiểm soát:

### 1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS):

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Đỗ Quang Minh | Trưởng BKS | 23/06/2023 | Thạc sỹ kinh tế |
| 2 | Bà Vũ Hương Trà | TV. BKS | 23/06/2023 | Cử nhân tài chính ngân hàng |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Huyền | TV. BKS | 23/06/2023 | Cử nhân kế toán tổng hợp |

### 2. Cuộc họp của BKS:

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Đỗ Quang Minh | 2 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà Vũ Hương Trà | 2 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Huyền | 2 | 100% | 100% | |

### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành:

Trong năm 2024, BKS đã triển khai các hoạt động giám sát sau:

- BKS thực hiện giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, tuân thủ điều lệ của công ty, các quy chế, quy định nội bộ; việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban TGĐ. BKS kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

- BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nắm bắt và giám sát tình hình, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và đưa ra một số kiến nghị trong tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

- BKS thực hiện: (i) Giám sát định kỳ, hoàn thành báo cáo cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về kết quả giám sát hoạt động SXKD năm 2023; (ii) Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch hoạt động hoạt động của BKS năm 2024; (iii) Giám sát định kỳ hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2024.

- BKS tiến hành: (i) Rà soát, thẩm định và thống nhất BCTC năm 2023 đã được kiểm toán và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua; (ii) Rà soát, thẩm định và thống nhất BTTC bán niên năm 2024 sau soát xét.

- BKS giám sát việc công bố thông tin.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Trong năm 2024, BKS thường xuyên trao đổi và nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, Ban TGĐ và Phòng nghiệp vụ để nắm bắt kịp thời các thông tin hoạt động SXKD tại công ty và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban TGĐ về các vấn đề liên quan công tác quản lý, điều hành.

**5. Hoạt động khác của BKS:** BKS phối hợp với HĐQT và Ban TGĐ tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 23/5/2024.

**IV. Ban điều hành:**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Chức vụ | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Quang Minh | Chủ tịch HĐQT | 04/01/1971 | Kỹ sư thủy lợi thủy điện | 23/06/2023 |
| 2 | Lê Vũ Ninh | Tổng Giám đốc | 29/05/1979 | Kỹ sư thủy lợi thủy điện | 01/11/2020 |
| 3 | Lê Thanh Khoa | Phó Tổng Giám đốc | 19/12/1974 | Kỹ sư điện | 01/12/2021 |

**V. Kế toán trưởng:**

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---|---|---|---|
| Phạm Thị Thủy | 22/08/1988 | Cử nhân kế toán | 16/11/2023 |

**VI. Đào tạo về quản trị Công ty: Không có**

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty**

**1. Danh sách người có liên quan của Công ty:**

Thông tin danh sách người có liên quan xin xem **Phụ lục 1** đính kèm.

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** Phụ lục 2 đính kèm.

**3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:** Không có

**4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:** không có

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:**

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:**

Thông tin danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ xin xem **Phụ lục 3** đính kèm.

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty cổ phần EVN Quốc tế:** Không có

**VII. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có

***Nơi nhận:./.***
- Như trên;
- Lưu: VT, PTH, PKT, PTCKT.

**CHỦ TỊCH**
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

M.S.D.N: 0102379203 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ - Q.CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

**Trương Quang Minh**

# Phụ lục 1: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Chức vụ tại công ty | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **CÁ NHÂN** | | | | | |
| 1 | Trương Quang Minh | CT.HĐQT | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 2 | Lê Vũ Ninh | UV.HĐQT<br>TGĐ | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 3 | Lê Thanh Khoa | Phó Tổng Giám đốc | 01/12/2021 | | | Người nội bộ |
| 4 | Nguyễn Thị Hương | UV. HĐQT | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 5 | Nguyễn Quang Huy | UV.HĐQT | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 6 | Lê Duy Thanh | UV.HĐQT | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 7 | Đỗ Quang Minh | Trưởng BKS | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 8 | Nguyễn Thị Huyền | TV. BKS | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 9 | Vũ Hương Trà | TV. BKS | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| 10 | Phạm Thị Thủy | Kế toán trưởng | 16/11/2018 | | | Người nội bộ |
| 11 | Nguyễn Thị Mai Hương | Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty, người được ủy quyền CBTT | 23/06/2023 | | | Người nội bộ |
| **B** | **TỔ CHỨC** | | | | | |
| 1 | Tổng Công ty Phát điện 1 | Cổ đông nắm giữ tỷ lệ 26,05% | 12/09/2007 | | | Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết |
| 2 | Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | Cổ đông nắm giữ tỷ lệ 19,30% | 31/3/2010 | | | |
| 3 | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | Cổ đông nắm giữ tỷ lệ 11,78% | 12/09/2007 | | | |
| 4 | Ngân hàng TMCP An Bình | Cổ đông nắm giữ tỷ lệ 10,31% | 12/09/2007 | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng côgn ty Phát điện 1 | | | | | Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư |
| 6 | Công ty TNHH ĐTD Eicon Solar | | 07/09/2020 | | | DN được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt |
| 7 | Công ty TNHH Xây dựng Eicon | | 30/07/2020 | | | DN được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt |
| 8 | Công ty TNHH Dịch vụ thương mại TKP | | 18/01/2021 | | | Chung nhà quản lý chủ chốt |

# Phụ lục 2: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ngân hàng TMCP An Bình | Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết | 0301412222 | 170 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Trả lãi tiền gửi, 47 giao dịch, tổng giá trị: 2.991.368.768 đồng | |
| 2 | Ngân hàng TMCP An Bình | Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết | 0301412222 | 170 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Gửi tiết kiệm, 19 giao dịch, tổng giá trị: 85.500.000.000 đồng | |
| 3 | Ngân hàng TMCP An Bình | Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết | 0301412222 | 170 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Thu phí dịch vụ, 24 giao dịch, tổng giá trị 2.418.900 đồng | |
| 4 | Công ty cổ phần Thủy điện A Vương | Chung công ty đầu tư | 4000478435 | Tổ dân phố Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, Quảng Nam | Từ 29/02/2024 đến 31/12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Thuê nhân sự thực hiện công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, 01 giao dịch với giá trị 211.200.000 đồng. | |
| 5 | Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty Phát điện 1. | Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư | 5701662152-005 | Đường Lê Nin, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An | Từ 01/03/2024 đến 31/12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Thuê nhân sự thực hiện công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, 01 giao dịch với giá trị 230.040.000 đồng. | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Ban QLDA các công trình điện miền Trung - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. | Chung công ty đầu tư | 0102743068-002 | Số 207 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | Từ 29/01/2024 đến 31//12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, 04 giao dịch hợp đồng với tổng giá trị 14.903.300.000 đồng. | |
| 7 | Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. | Chung công ty đầu tư | 0102743068-010 | Số 18 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Từ 30/08/2024 đến 24/09/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, 02 giao dịch hợp đồng với tổng giá trị 3.071.400.000 đồng. | |
| 8 | Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. | Chung công ty đầu tư | 0102743068-005 | Số 15 Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Từ 22/04/2024 đến 31/12/2024 | Nghị quyết 58/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị | Cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, 01 giao dịch hợp đồng với tổng giá trị 954.545.455 đồng. | |

**Phụ lục 3: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

| STT | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Trương Quang Minh** | Chủ tịch HĐQT | Cá nhân: 107.077 CP<br>Đại diện: 5.732.761CP | Cá nhân: 0,29%<br>Đại diện: 15,63% | Người nội bộ |
| 1.1 | Huỳnh Thị Hồng Vân | không | 0 CP | 0% | Vợ |
| 1.2 | Trương Thiết Lâm | không | 0 CP | 0% | Con |
| 1.3 | Trương Ngân Giang | không | 0 CP | 0% | Con |
| 1.4 | Nguyễn Thị Thi | không | 0 CP | 0% | Mẹ đẻ |
| 1.5 | Huỳnh Kim Sanh | không | 0 CP | 0% | Bố vợ |
| 1.6 | Lương Thị Lý | không | 0 CP | 0% | Mẹ Vợ |
| 1.7 | Trương Thiết Hùng | không | 0 CP | 0% | Anh ruột |
| 1.8 | Phạm Thị Nghi Xuân | không | 0 CP | 0% | Chị dâu |
| 2 | **Lê Vũ Ninh** | Tổng Giám đốc | Đại diện: 3.821.841CP | Đại diện: 10,42% | Người nội bộ |
| 2.1 | Lê Thị Thúy Mai | Không | 0 | 0 | Vợ |
| 2.2 | Lê Uyên Nhi | Không | 0 | 0 | Con |
| 2.3 | Lê Xuân Lợi | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 2.4 | Vũ Thị Lệ Thủy | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 2.5 | Lê Trung Tuấn | Không | 0 | 0 | Bố vợ |
| 2.6 | Nguyễn Thị Đào | Không | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 2.7 | Lê Vũ Linh | Không | 0 | 0 | Anh ruột |

| STT | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 2.8 | Trần Thị Thu Hiền | Không | 0 | 0 | Chị dâu |
| 2.9 | Lê Vũ Minh Tuấn | Không | 0 | 0 | Em ruột |
| 2.10 | Lê Thị Kim Ngư | Không | 0 | 0 | Em dâu |
| 2.11 | Công ty TNHH ĐTXD EICON SOLAR | | | | Thành viên góp vốn (15%) |
| **3** | **Nguyễn Thị Hương** | **Thành viên HĐQT** | **Đại diện: 3.780.000CP** | **Đại diện: 10,31%** | **Người nội bộ** |
| 3.1 | Nguyễn Quang Thường | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 3.2 | Đỗ Thị Oanh | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 3.3 | Trần Đình Thắng | Không | 0 | 0 | Chồng |
| 3.4 | Trần Đình Khánh | Không | 0 | 0 | Con ruột |
| 3.5 | Trần Hương An | Không | 0 | 0 | Con ruột |
| 3.6 | Đào Ngọc Anh | Không | 0 | 0 | Con dâu |
| 3.7 | Nguyễn Thị Hiền | Không | 0 | 0 | Em gái |
| 3.8 | Nguyết Tất Đạt | Không | 0 | 0 | Em rể |
| 3.9 | Nguyễn Quý Dương | Không | 0 | 0 | Em trai |
| 3.10 | Vũ Thị Hiền | Không | 0 | 0 | Em dâu |
| 3.11 | Nguyễn Việt Đức | Không | 0 | 0 | Em trai |
| 3.12 | Phạm Đỗ Tường Vy | Không | 0 | 0 | Em dâu |
| 3.13 | Ngân hàng TMCP An Bình | | 3.780.000 | 3.780.000 | Phó TGĐ |
| 3.14 | Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP An Bình | | | | Thành viên HĐTV |
| 3.15 | Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3 | | | | Thành viên HĐQT |
| 3.16 | Công ty cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam | | | | Thành viên BKS |
| **4** | **Nguyễn Quang Huy** | **UVHĐQT** | **Đại diện: 7.095.000CP** | **Đại diện: 19,30%** | **Người nội bộ** |
| 4.1 | Nguyễn Đình Hàn | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |

| STT | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 4.2 | Nguyễn Thị Chi | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 4.3 | Đặng Thị Hồng Thúy | Không | 0 | 0 | Vợ |
| 4.4 | Nguyễn Đình Hoàng | Không | 0 | 0 | Con |
| 4.5 | Nguyễn Diệu Lan | Không | 0 | 0 | Con |
| 4.6 | Mạc Thị Dỡ | Không | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 4.7 | Nguyễn Thị Hà | Không | 0 | 0 | Chị gái |
| 4.8 | Dương Mạnh Hà | Không | 0 | 0 | Anh rể |
| 4.9 | Nguyễn Thị Hồng Phượng | Không | 0 | 0 | Em gái |
| 4.10 | Vũ Chí Cương | Không | 0 | 0 | Em rể |
| 4.11 | Nguyễn Lan Phương | Không | 0 | 0 | Em gái |
| 4.12 | Trần Xuân Biên | Không | 0 | 0 | Em rể |
| **5** | **Lê Duy Thanh** | **Thành viên HĐQT** | **Đại diện: 4.320.000CP** | **Đại diện: 11,8%** | **Người nội bộ** |
| 5.1 | Phùng Khánh Châu | Không | 0 | 0 | Vợ |
| 5.2 | Lê Minh Trâm | Không | 0 | 0 | Con |
| 5.3 | Lê Phùng Khả Như | Không | 0 | 0 | Con |
| 5.4 | Lê Thị Hồng | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 5.5 | Phùng Cao Các | Không | 0 | 0 | Bố vợ |
| 5.6 | Trần Hồng Nga | Không | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 5.7 | Lê Minh Duy | Không | 0 | 0 | Anh Ruột |
| 5.8 | Đinh Trần Sơn Thi | Không | 0 | 0 | Chị dâu |
| 5.9 | Lê Thanh Trúc | Không | 0 | 0 | Em ruột |
| 5.10 | Lý Thanh Phong | Không | 0 | 0 | Em rể |
| **6** | **Đỗ Quang Minh** | **Trưởng Ban kiểm soát** | **0** | **0** | **Người nội bộ** |
| 6.1 | Hoàng Thị Lệ Quyết | Không | 0 | 0 | Vợ |
| 6.2 | Đỗ Hoàng Anh | Không | 0 | 0 | Con |
| 6.3 | Đỗ Quang Anh | Không | 0 | 0 | Con |
| 6.4 | Đỗ Đức Mạnh | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 6.5 | Nguyễn Thị Nghĩa | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |

| STT | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 6.6 | Lê Thị Cát | Không | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 6.7 | Đỗ Đình Ngọc | Không | 0 | 0 | Anh trai |
| 6.8 | Trần Thúy Mai | Không | 0 | 0 | Chị dâu |
| 6.9 | Công ty TNHH Thương Mại Gisp Việt Nam | | | | Chủ tịch HĐTV |
| **7** | **Vũ Hương Trà** | **TV. BKS** | **0** | **0** | **Người nội bộ** |
| 7.1 | Nguyễn Văn Hiệp | Không | 0 | 0 | Chồng |
| 7.2 | Nguyễn Vũ Khánh Chi | Không | 0 | 0 | Con |
| 7.3 | Nguyễn Tuệ Lâm | Không | 0 | 0 | Con |
| 7.4 | Vũ Thị Hảo | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 7.5 | Vũ Đức Thiện | Không | 0 | 0 | Em ruột |
| 7.6 | Nguyễn Mai Phương | Không | 0 | 0 | Em dâu |
| **8** | **Nguyễn Thị Huyền** | **TV BKS** | | | **Người nội bộ** |
| 8.1 | Đặng Hà Linh | Không | 0 | 0 | Chồng |
| 8.2 | Đặng Nhật Minh | Không | 0 | 0 | Con |
| 8.3 | Đặng Nguyễn Hà My | Không | 0 | 0 | Con |
| 8.4 | Nguyễn Đình Chính | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 8.5 | Nguyễn Thị Bền | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 8.6 | Đặng Bá Hòa | Không | 0 | 0 | Bố chồng |
| 8.7 | Dương Thị Huệ | Không | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 8.8 | Nguyễn Lệ Quyên | Không | 0 | 0 | Em gái |
| 8.9 | Hoàng Trung Kiên | Không | 0 | 0 | Em rể |
| 8.10 | Nguyễn Thị Thảo | Không | 0 | 0 | Em gái |
| 8.11 | Mao Văn Phước | Không | 0 | 0 | Em rể |
| **9** | **Phạm Thị Thủy** | **Kế toán trưởng** | **Cá nhân: 1.600 CP** | **0,0044%** | **Người nội bộ** |
| 9.1 | Trần Bảo Vũ | Không | 0 | 0 | Chồng |
| 9.2 | Trần Hải Châu | Không | 0 | 0 | Con |
| 9.3 | Trần Hoàng Châu | Không | 0 | 0 | Con |

| STT | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 9.4 | Phạm Xuân Hùng | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 9.5 | Trần Thị Thành | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 9.6 | Trần Vinh | Không | 0 | 0 | Bố chồng |
| 9.7 | Nguyễn Thị Ánh | Không | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 9.8 | Phạm Hồng Đăng | Không | 0 | 0 | Anh trai |
| 9.10 | Hoàng Thị Mỹ Lệ | Không | 0 | 0 | Chị dâu |
| 9.11 | Công ty TNHH ĐTXD EICON SOLAR | | | | Thành viên góp vốn (10%) |
| 9.12 | Công ty TNHH Xây dựng EICON | | | | Thành viên góp vốn (12%) |
| **10** | **Nguyễn Thị Mai Hương** | **Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Cty. Người được UQ. CBTT** | **0** | **0** | **Người nội bộ** |
| 10.1 | Nguyễn Thanh Hải | Không | 0 | 0 | Chồng |
| 10.2 | Nguyễn Khải Lâm | Không | 0 | 0 | Con |
| 10.3 | Nguyễn Duy Phương | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |
| 10.4 | Nguyễn Thị Huệ | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 10.5 | Nguyễn Văn Sơn | Không | 0 | 0 | Bố chồng |
| 10.6 | Phạm Thị Lý | Không | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 10.7 | Nguyễn Thị Duy Va | Không | 0 | 0 | Chị ruột |
| 10.8 | Lê Đức Lộc | Không | 0 | 0 | Anh rể |
| 10.9 | Nguyễn Thị Ni Na | Không | 0 | 0 | Chị ruột |
| 10.10 | Công ty TNHH ĐTXD EICON SOLAR | | | | Thành viên góp vốn (15%) |
| 10.11 | Công ty TNHH Xây dựng EICON | | | | Thành viên góp vốn (14%) |
| **11** | **Lê Thanh Khoa** | **Phó TGĐ** | **1000** | **0,0027%** | **Người nội bộ** |
| 11.1 | Lê Thanh Khánh | Không | 0 | 0 | Bố đẻ |

| STT | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 11.2 | Ngô Thị Dung | Không | 0 | 0 | Mẹ đẻ |
| 11.3 | Nguyễn Văn Chung | Không | 0 | 0 | Bố vợ |
| 11.4 | Lưu Thị Thơm | Không | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 11.5 | Nguyễn Thị Thu | Không | 0 | 0 | Vợ |
| 11.6 | Lê Nguyễn Tường Minh | Không | 0 | 0 | Con đẻ |
| 11.7 | Lê Nguyễn Tường Quang | Không | 0 | 0 | Con đẻ |
| 11.8 | Lê Thị Xuân Thao | Không | 0 | 0 | Chị ruột |
| 11.9 | Lê Thị Luyện | Không | 0 | 0 | Chị ruột |
| 11.10 | Lê Thanh Trường | Không | 0 | 0 | Em ruột |
| 11.11 | Lê Thanh Hải | Không | 0 | 0 | Em ruột |
| 11.12 | Nguyễn Đức Bình | Không | 0 | 0 | Anh rể |
| 11.13 | Nguyễn Phương Thúy | Không | 0 | 0 | Em dâu |
| 11.14 | Phan Thị Ngọc Hà | Không | 0 | 0 | Em dâu |
| 11.15 | Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại TKP | Không | 0 | 0 | Chủ tịch HĐTV |